TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày 02/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đức Bản

2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng cấp thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà N – TGĐ; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng**:** Ông Ng – Phó phòng giao dịch Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: đường Q, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản uỷ quyền số: 150/2019/GUQ-CNQB ngày 23/4/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Võ Thành C, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Thuận Ph, xã Th, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2019 và qua quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Ngày 14/01/2017 anh Võ Thành C có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, theo đó anh C được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 25.000.000đ. Trong tháng 01/2017, anh C giao dịch qua thẻ tín dụng với tổng số tiền vay là 24.990.000 đồng. Cộng với khoản phí thường niên là 299.000đ và số tiền lãi là 83.000đ (được tính theo lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng), đến cuối ngày 31/01/2017 anh C còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 25.372.300đ. Hàng tháng, anh C phải trả tối thiểu một khoản tiền là 5% của tổng số tiền gốc cộng với tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày 30 hàng tháng. Nếu thanh toán trễ hạn, anh C phải trả thêm phí trễ hạn là 80.000đ mỗi lần trễ hạn. Và nếu số dư nợ phát sinh của anh C vượt quá hạn mức được cấp ban đầu là 25.000.000đ thì anh C phải thanh toán thêm phí sử dụng vượt hạn mức là 50.000đ/tháng. Theo đó, tháng 02/2017, anh C phải trả cho Ngân hàng 1.300.716đ nhưng không trả. Tháng 03/2017, anh C phải trả 1.340.818đ, nhưng trả được 1.060.000đ. Tháng 04/2017, anh C phải trả 1.326.513đ, nhưng trả được 1.060.000đ. Tháng 5/2017, anh C phải trả 1.312.912đ, nhưng trả được 1.060.000đ (Các lần trả tiền có bảng kê kèm theo hồ sơ vụ án). Ở các kỳ thanh toán tháng 06 và tháng 07/2017, anh C vi phạm hợp đồng, không trả nợ cho Ngân hàng nên các khoản nợ còn lại của anh C chuyển sang nợ quá hạn từ 31/7/2017. Trừ đi tổng số tiền anh C đã trả cho Ngân hàng qua 03 lần là 3.180.000đ. Tổng số tiền anh C còn phải trả cho ngân hàng tính từ ngày 31/01/2017 đến ngày 31/7/2017 là 26.758.791đ. Từ ngày 01/08/2017, số tiền quá hạn chưa thanh toán là 26.758.791đ của anh Công được Ngân hàng tính lãi theo lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, là 3,75%/tháng. Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu anh C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 02/10/2019 là 53.283.442đ, trong đó nợ gốc 26.758.791đ; nợ lãi quá hạn 26.524.651đ. Và yêu cầu anh C tiếp tục trả lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

* Đối với anh Võ Thành C: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã gửi giấy triệu tập nhiều lần theo địa chỉ của anh C tham gia giao kết hợp đồng tại địa chỉ: Thôn Th, xã Th, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, nhưng vẫn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án. Sau đó Toà án đã cùng chính quyền địa phương giao trực tiếp cho mẹ anh C nhưng bà từ chối nhận với lý do C không cho nhận giấy triệu tập của Toà án. Toà án đã niêm yết các quyết định và giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh C không có mặt nên không có ý kiến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng", tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và anh Võ Thành C là hộ gia đình không có đăng ký kinh doanh, có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đến Tòa án làm bản tự khai. Sau đó, Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt còn anh C vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...*". Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và anh C đã ghi đầy đủ địa chỉ của anh C và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số 98/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 để xét xử vào ngày 05/9/2019, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho Ngân hàng và anh C theo quy định của Điều 172, 173 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2019/QĐST-DS ngày 05/9/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 02/10/2019 và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án theo quy định của Điều 172, 173 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 02/9/2019, bị đơn anh C tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng để yêu cầu anh C phải trả lãi suất 2,5% tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 3,75% tháng, từ ngày 01/8/2017 đến ngày 02/10/2019 số tiền gốc và lãi là: 53.283.442đ, trong đó nợ gốc 26.758.791đ; nợ lãi quá hạn 26.524.651đ

và yêu cầu anh C tiếp tục trả lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 14/01/2017 anh C được cấp thẻ tín dụng với hạn hạn mức 25.000.000đ. Trong tháng 01/2017, anh C giao dịch qua thẻ tín dụng với tổng số tiền là 24.990.000 đồng. Cộng với khoản phí thường niên là 299.000đ và số tiền lãi là 83.000đ (được tính theo lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng), đến cuối ngày 31/01/2017 anh C còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 25.372.300đ. Hàng tháng, anh C phải trả tối thiểu một khoản tiền là 5% của tổng số tiền gốc cộng với tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày 30 hàng tháng. Nếu thanh toán trễ hạn, anh C phải trả thêm phí trễ hạn là 80.000đ mỗi lần trễ hạn và nếu số dư nợ phát sinh của anh C vượt quá hạn mức được cấp ban đầu là 25.000.000đ thì anh C phải thanh toán thêm phí sử dụng vượt hạn mức là 50.000đ/tháng. Theo đó, tháng 02/2017, anh C phải trả cho Ngân hàng 1.300.716đ nhưng không trả. Tháng 03/2017, anh C phải trả 1.340.818đ, nhưng trả được 1.060.000đ. Tháng 04/2017, anh C phải trả 1.326.513đ, nhưng trả được 1.060.000đ. Tháng 5/2017, anh C phải trả 1.312.912đ, nhưng trả được 1.060.000đ (Các lần trả tiền có bảng kê kèm theo hồ sơ vụ án). Các kỳ thanh toán tháng 06 và tháng 07/2017, anh C vi phạm hợp đồng không trả nợ cho Ngân hàng nên các khoản nợ còn lại của anh C chuyển sang nợ quá hạn từ 31/7/2017. Trừ đi tổng số tiền anh C đã trả cho Ngân hàng qua 03 lần là 3.180.000đ. Tổng số tiền anh C còn phải trả cho Ngân hàng tính từ ngày 31/01/2017 đến ngày 31/7/2017 là 26.758.791đ. Từ ngày 01/08/2017, số tiền quá hạn chưa thanh toán 26.758.791đ của anh C được Ngân hàng tính lãi theo lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (lãi trong hạn 2,5% tháng), là 3,75%/tháng với tổng số tiền là 53.283.442đ. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và anh C đều tuân theo quy định của pháp luật, các bên có năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung của hợp đồng tuân theo quy định của Điều 116,117, 119, của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng 2010. Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được các bên thực hiện. Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã yêu cầu anh C trả nợ nhiều lần, tạo điều kiện cho trả nợ nhưng anh C vẫn không thực hiện việc trả nợ đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên toà anh C vắng mặt nhưng căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết xác định được anh C được cấp thẻ tính dụng còn nợ số tiền trên nhưng chưa trả. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận để buộc anh C phải trả khoản tiền gốc và lãi tính đến ngày 02/10/2019 là: 53.283.442đ, trong đó nợ gốc 26.758.791đ; nợ lãi quá hạn 26.524.651đ.

Và yêu cầu anh C tiếp tục trả lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã được ký kết.

[4] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.283.442đ x 5% = 2.664.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116,117, 119, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T**.**

2. Buộc anh Võ Thành C phải trả cho Ngân hàng T, tính đến ngày 02/10/2019 với tổng số tiền gốc và lãi 53.283.442đ, trong đó nợ gốc 26.758.791đ; nợ lãi quá hạn 26.524.651đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã được ký kết vào ngày 14/01/2017 giữa Ngân hàng và anh Công.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử buộc anh Võ Thành C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.664.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 1.198.852 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005297 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc